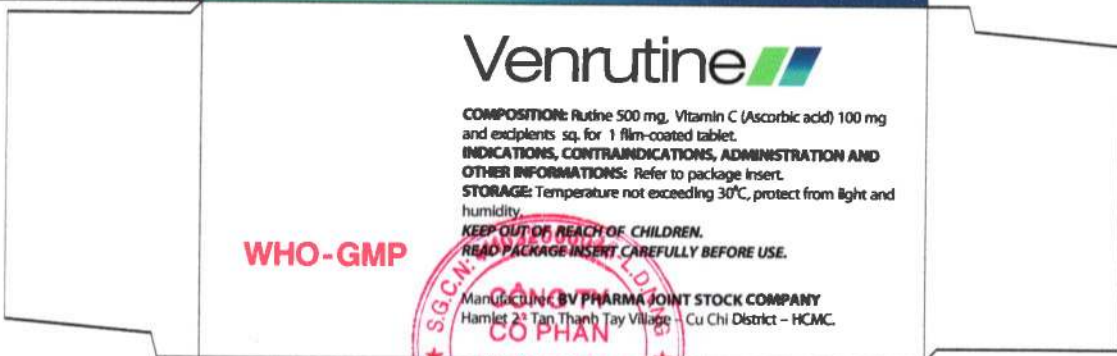
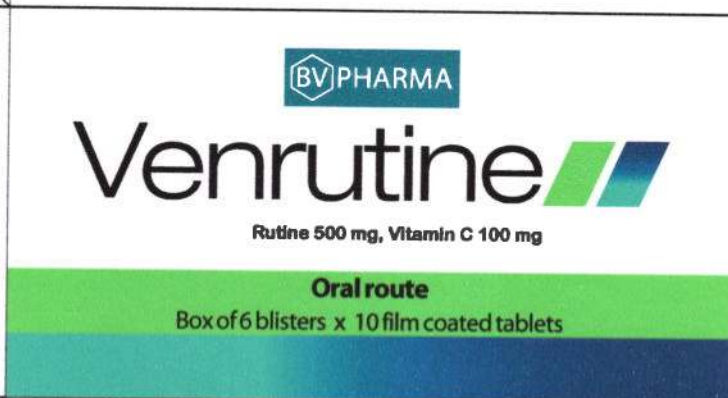
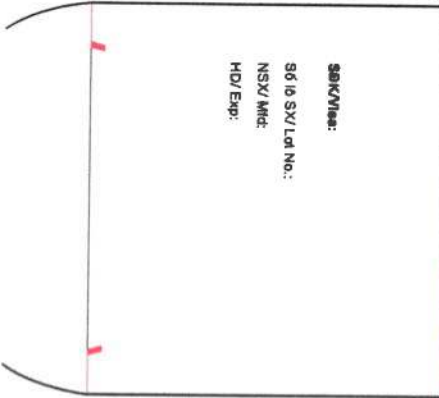


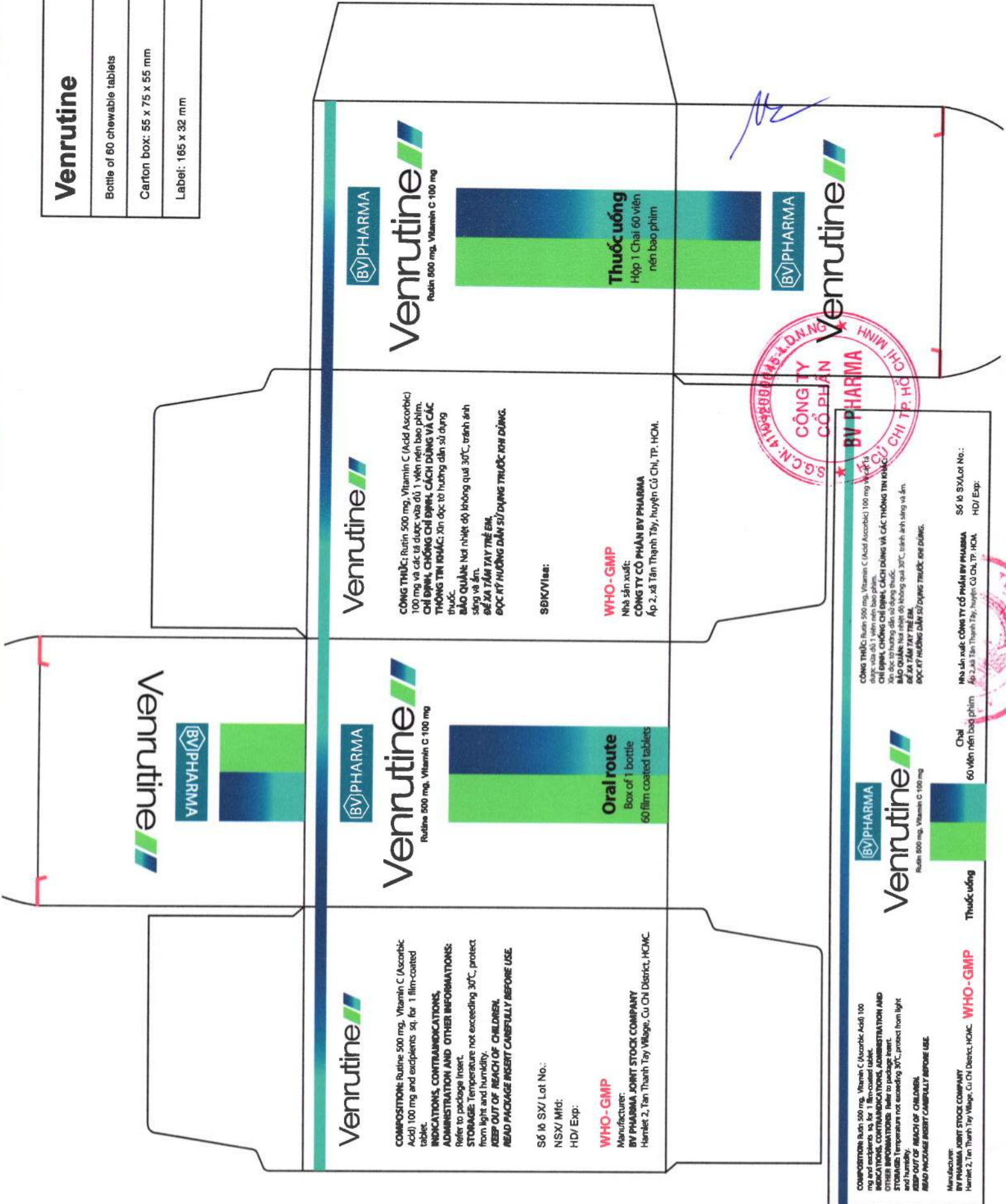


**Venrutine**  
(Hộp 6 vỉ x 10 viên)  
Box Size: 112 x 60 x 55 mm  
Blister size: 102 x 50 mm

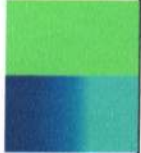




<b>Venrutine</b>
Bottle of 60 chewable tablets
Carton box: 55 x 75 x 55 mm
Label: 185 x 32 mm



Venrutine



Venrutine



Venrutine

Rutin 500 mg, Vitamin C 100 mg



**Oral route**

Box of 1 bottle  
60 film coated tablets

**COMPOSITION:** Rutin 500 mg, Vitamin C (Ascorbic Acid) 100 mg and excipients q.s. for 1 film-coated tablet.

**INDICATIONS, CONTRAINDICATIONS, ADMINISTRATION AND OTHER INFORMATION:**

Refer to package insert.

**STORAGE:** Temperature not exceeding 30°C, protect from light and humidity.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.**

**READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.**

Số lô SX/ Lot No.:

NSX/ Mfg:

HD/ Exp:

**WHO - GMP**

Manufacturer:

BV PHARMA JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 2, Tân Thành Tây Village, Cu Chi District, HCMC.

Venrutine

**CÔNG THỨC:** Rutin 500 mg, Vitamin C (Acid Ascorbic) 100 mg và các tá dược vừa đủ 1 viên nén bao phim.  
**CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:** Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

**BẢO QUẢN:** Nơi nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.

**ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM.**

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC KHI DÙNG.**

SBK/Visa:

**WHO - GMP**

Nhà sản xuất:

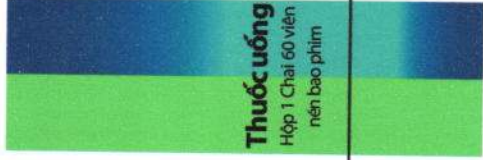
CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA

Áp 2, xã Tân Thành Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM.

Venrutine



Rutin 600 mg, Vitamin C 100 mg



**Thuốc uống**

Hộp 1 Chai 60 viên  
nén bao phim



Venrutine



**CÔNG THỨC:** Rutin 500 mg, Vitamin C (Acid Ascorbic) 100 mg và các tá dược vừa đủ 1 viên nén bao phim.

**CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:** Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

**BẢO QUẢN:** Nơi nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.

**ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM.**

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC KHI DÙNG.**



Venrutine

Rutin 500 mg, Vitamin C 100 mg



**COMPOSITION:** Rutin 500 mg, Vitamin C (Ascorbic Acid) 100 mg and excipients q.s. for 1 film-coated tablet.

**INDICATIONS, CONTRAINDICATIONS, ADMINISTRATION AND OTHER INFORMATION:** Refer to package insert.

**STORAGE:** Temperature not exceeding 30°C, protect from light and humidity.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.**

**READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.**

Manufacturer:

BV PHARMA JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 2, Tân Thành Tây Village, Cu Chi District, HCMC.

**Thuốc uống**

Chai

60 viên nén bao phim

Nhà sản xuất: Công ty cổ phần BV PHARMA

Áp 2, xã Tân Thành Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM.

Số lô SX/Lot No.:

HD/ Exp:

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC



**THÀNH PHẦN:** Rutin 500 mg, Vitamin C (Ascorbic acid) 100 mg và các tá dược gồm Povidon, Crospovidon, Manitol, Talc, Magnesi stearat, Ethanol 17%, Opadry đỏ, Opadry trong suốt, Nước tinh khiết vừa đủ 1 viên nén bao phim.

**DẠNG BẢO CHẾ:** Viên nén bao phim.

**QUI CÁCH ĐÓNG GÓI:** Hộp 3 vỉ x10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 1 chai 60 viên.

**DUYỆC LỰC:** Thuốc VENRUTINE gồm 2 thành phần chính là Rutin và Vitamin C có các đặc tính như sau:

- Rutin: Còn gọi là Rutosid là một flavonol glycosid cấu tạo bởi flavonol quercetin và disacarid rutinose được chiết xuất từ các dược liệu giàu Rutin như nụ hoa Hòe, kiêu mạch, quả cam, chanh, ớt hay từ lá một số loài *Eucalyptus*.

Rutin có tác dụng tăng cường sức chịu đựng và giảm độ thấm của mao mạch, chống viêm, chống phù nề bảo vệ mạch máu. Cơ chế tác dụng chủ yếu là ức chế tương tranh với men Catecholamin - O - Methyltransferase nhằm ngăn sự oxy hoá phá hủy adrenalin trong tuần hoàn (adrenalin có tác dụng giúp tăng sức chịu đựng của mao mạch). Còn tác dụng chống viêm có thể do kích thích tuyến thượng thận tăng tiết adrenalin và ức chế men hyaluronidase. Ngoài ra Rutin còn có tác dụng chống oxy hoá, chống u bướu, chống tạo huyết khối, hạ huyết áp, hạ cholesterol, giảm nguy cơ xuất huyết não và cầm máu.

- Vitamin C ( ascorbic acid) cần thiết cho sự tạo collagen, tu sửa mô trong cơ thể và tham gia trong các phản ứng oxy hóa – khử, tăng cường hệ miễn dịch, trong đề kháng với nhiễm khuẩn. Ngoài ra Vitamin C còn là một chất chống oxy hoá mạnh và có vai trò đặc biệt trong giữ gìn sự toàn vẹn của mạch máu nhất là các mao mạch và tác dụng này được tăng cường bởi Rutin

**CHỈ ĐỊNH ĐIỀU TRỊ:** Bệnh trĩ., các chứng xuất huyết dưới da, vết bầm máu, suy tĩnh mạch, giãn tĩnh mạch, tăng huyết áp, xơ cứng mao mạch, xuất huyết trong khoa răng hàm mặt, khoa mắt.

**LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:**

- Người lớn: Uống 1 viên, 1 - 2 lần mỗi ngày.

- Trẻ em từ 6 tuổi: Uống ½ viên, 1 - 2 lần mỗi ngày.

**CHỐNG CHỈ ĐỊNH:**

- Quá mẫn cảm với Rutin hay một trong các thành phần của thuốc.

- Chống chỉ định của Vitamin C: Không dùng liều cao Vitamin C cho người bị thiếu hụt men G6PD. ( Glucose – 6 -Phosphat Dehydrogenase), người có tiền sử sỏi thận, tăng oxalat niệu và rối loạn chuyển hóa oxalat, người bệnh thalassemia.

**CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI SỬ DỤNG:**

- Dùng liều cao Vitamin C ( trên 3g/ ngày) có thể gây sỏi niệu oxalat hoặc urat.

- Dùng thận trọng cho người bị loét đường tiêu hóa

**TƯƠNG TÁC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC DẠNG TƯƠNG TÁC KHÁC:**

- Tránh dùng chung với kháng sinh Quinolon vì theo lý thuyết Quercetin hình thành từ rutin ức chế cạnh tranh gắn kết trên các thụ thể DNA- gyrase làm giảm tác dụng của Quinolon

- Do thuốc có chứa Vitamin C có thể làm tăng hấp thu sắt qua đường tiêu hóa.

- Dùng cùng lúc Vitamin C với Aspirin làm giảm bài tiết Aspirin và tăng bài tiết Vitamin C.

- Dùng cùng lúc Vitamin C với Fluphenazin làm giảm nồng độ Fluphenazin trong huyết tương.

- Trong thời gian dùng thuốc chứa Rutin nên tránh dùng nhiều các thực phẩm chế biến có chứa nitrat và nitrit vì có ý kiến cho là rutin có thể bị nitơ hóa tạo ra các chất có tiềm năng gây đột biến.

**TRƯỜNG HỢP CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:** Dùng thuốc thận trọng cho phụ nữ mang thai hoặc cho con bú.

**TÁC DỤNG ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:**

Thuốc không ảnh hưởng đến việc lái xe và vận hành máy móc.

**QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:**

- Quá liều Rutin: ít khi xảy ra, các triệu chứng quá liều gồm chóng mặt, mệt mỏi, đau đầu, cứng cơ, nhịp tim nhanh, khó chịu ở dạ dày.

- Quá liều Vitamin C: Gồm các triệu chứng như sỏi thận, buồn nôn, viêm dạ dày và tiêu chảy.gây lợi tiểu bằng truyền dịch có thể có tác dụng sau khi uống liều lớn.

**TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN :**

- Tác dụng phụ của Rutin: Rối loạn tiêu hóa, buồn nôn, ít khi bị đau đầu, ngứa tứ chi.

- Tác dụng phụ của Vitamin C: Buồn nôn, nôn, ợ nóng, tiêu chảy, nhức đầu, mất ngủ, tăng oxalat niệu, thiếu máu-huyết tán ( ở bệnh nhân thiếu hụt G6PD ).

*Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.*

**BẢO QUẢN:** Nơi nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.

**HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM**

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.**

**NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN CỦA BÁC SĨ.**

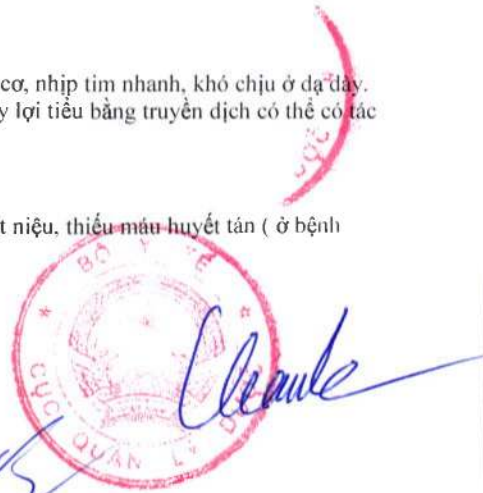
NHÀ SẢN XUẤT:

**CÔNG TY CỔ PHẦN BV PHARMA**

Địa chỉ: Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, TP. HCM.

Điện thoại: 08 – 37950.611 / 957 / 994

Fax : 08 - 37950.614 Email: info@bvpharma.com.vn



PHÓ CỤC TRƯỞNG  
*Nguyễn Văn Thanh*